

BIỂU TƯỢNG VĂN HÓA TRẦU CAU từ ca dao đến thơ hiện đại

HOÀNG SĨ NGUYỄN

1. Mở đầu

Trong thi pháp văn chương, *biểu tượng* là yếu tố quan trọng mang khả năng biểu cảm lớn. Biểu tượng là vật môi giới giúp ta tri giác bất khả tri giác, là một sự vật mang tính thông điệp được dùng để chỉ ra một cái ở bên ngoài nó, theo một quan hệ ước lệ giữa sự vật trong thông điệp và sự vật ở bên ngoài.

Thế giới biểu tượng trong ca dao, thơ ca Việt Nam vô cùng phong phú. Có những biểu tượng được dùng nhiều trong văn học cổ Việt Nam và Trung Quốc mang tính ước lệ quen thuộc, có những biểu tượng xuất phát từ phong tục tập quán của người Việt Nam, từ các quan niệm dân gian, tín ngưỡng dân gian như biểu tượng cây đa, biểu tượng vuông tròn, biểu tượng trầu cau. Trong chương trình môn Văn ở trường phổ thông, chúng ta gặp rất nhiều dạng thức biểu hiện khác nhau của hệ thống biểu tượng. Việc dần dần đi sâu tìm hiểu, khám phá từng nét cách của các biểu tượng sẽ giúp cho người dạy và học văn giàu thêm dung lượng kiến thức, khơi gợi hứng thú và định hướng cảm nhận văn chương phong phú, tinh tế hơn.

Các nhà nghiên cứu đã chứng minh rằng: tục ăn trầu ở nước ta đã có từ mấy nghìn năm về trước (cùng với tục nhuộm răng đen). Theo truyền thuyết, tục ăn trầu đã có thể có từ thời Hùng Vương. Các nhà khảo cổ học đã chứng minh rằng: văn hóa trầu cau tồn tại cách ngày nay trên dưới khoảng một ngàn năm, “Một cư dân, một dân tộc qua ngàn năm (hạt cau đã tìm thấy trong di chỉ khảo cổ thuộc văn hóa Hòa Bình, cách ngày nay trên dưới một vạn năm) đã điều chế được một hệ thống ứng xử vô cùng lịch sự qua triết lý trầu cau và sự mời trầu” (Trần Quốc Vượng 2003: 291). Khám phá thấy trong nhiều ngôi mộ cổ ở Thanh Hoá có những chiếc bình vôi, cối giã trầu đời Tống (960-1127), có chiếc thuộc đời Minh (1368-

2644). Ngoài việc là “món ăn” thông dụng, trầu cau còn chiếm vị trí quan trọng trong giao tiếp: “miếng trầu là đầu câu chuyện”; trong các lễ nghi cúng tế dân gian; trong quan hệ hôn nhân; trong sinh hoạt ca hát dân gian. Càng có nhiều cứ liệu khảo cổ học về trầu cau, càng làm cho truyện *Cổ tích trầu cau* được soi sáng dần. Ngược lại, truyện cổ tích trầu cau đã góp phần làm cho tục ăn trầu được khoác thêm nét đẹp văn hoá mới, ý nghĩa mới: miếng trầu nhắc nhở đạo lý, tình nghĩa trọn vẹn trước sau.

Như vậy, tục ăn trầu của người Việt đã mang nét văn hoá đặc sắc. Trầu cau đã là cái hồn của dân tộc Việt, chuyên chở tình cảm cao đẹp nhất trong đời sống tinh thần của con người. Biểu tượng văn hoá trầu cau không biết từ lúc nào đã đi vào thế giới nghệ thuật của văn chương, có sức sống đẹp đẽ trong ca dao cũng như trong thơ ca từ trước đến nay. Bài viết này chỉ dừng lại khảo sát sơ lược biểu tượng văn hoá trầu cau qua một số tác phẩm ca dao (văn học dân gian) và một số bài thơ: *Mời trầu* của Hồ Xuân Hương (văn học trung đại), *Tương tư* của Nguyễn Bính (văn học 1930-1945), Chương “Đất nước” trong *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm (văn học 1945-1975) - sau đây gọi là bài thơ *Đất nước*, *Hoa Chanh* của Nguyễn Bao (Văn học sau 1975). Việc chọn các tác phẩm này là do chủ quan của người viết, nhằm tạo ra gạch nối từ văn học dân gian, qua văn học trung đại đến văn học hiện đại các thời kỳ (chứ không có một dụng ý nào khác).

2. Biểu tượng văn hóa trầu cau trong ca dao

Trong ca dao, trầu cau là biểu tượng đẹp đẽ của tình nghĩa, tình yêu và hôn nhân gia đình. Khảo sát trên 493 đơn vị tác phẩm ca dao phần “Tình yêu nam nữ” trong *Tuyển tập ca dao* của Vũ Ngọc Phan, có 29 đơn vị tác phẩm nhắc đến biểu tượng trầu cau.

Một miếng trầu khi ăn thường có kèm theo cau, vôi, vỏ chay (vỏ cây chay), thuốc trầu (làm từ thuốc lá). Người bình dân đã tình tế lấy sự gắn kết của các chất liệu khi ăn trầu đó để gần xa giải bày tình nghĩa trong đối đáp giao duyên.

Ta hãy nghe lời tỏ tình thầm kín:

*Đêm khuya thiếp mới hỏi chàng
Cau xanh ăn với trầu vàng xứng chăng?*

Đây là kiểu nói xa xa, bóng gió trong ca dao mà ta thường gặp, như “Bây giờ mặn mới hỏi đào/ Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?”. Cau xanh, trầu vàng đã là một ẩn dụ của “duyên em” và “tình anh”!

*Trầu vàng nhá lẫn cau xanh
Duyên em sánh với tình anh tuyệt vời.*

Trong tình yêu, nhất là giai đoạn làm quen, tỏ tình, người bình dân thường không “nói thẳng” được, bởi nghe nó sỗ sàng làm sao. Rất khó chấp nhận kiểu: “Gặp đây anh nắm cổ tay/ Anh hỏi câu này: có lấy anh không?”. Bởi vậy, họ thường dùng đối tượng bên ngoài để ví von, so sánh. Ví như *bến* thì muốn có *thuyền*, *đũa ngọc* muốn có *mâm vàng*,... và thế là biểu tượng trầu cau lại trở thành miếng đất màu mỡ để họ khai thác. Thật khiếm nhường khi người con trai ước mình chỉ là “cơi” thôi để đựng cau tươi, trầu vàng:

*Ước gì anh hoá ra cơi
Để cho em đựng cau tươi, trầu vàng.*

Bày tỏ cái duyên làm sao đây để cho người bạn tình hiểu được về thắm nồng, tình bền chặt của lòng mình mà lại hợp với xuân thì của người con gái, lại vừa kín đáo, giữ được sự e lệ là chuyện thật khó. Có lẽ, trong trường hợp này, trầu cau đã giúp người con gái “giải thoát” được:

*Vì chung ăn miếng trầu anh
Cho nên má đỏ tóc xanh đến giờ.*
Hay:

*Cau non trầu lộc mả mai
Da trắng tóc dài đẹp với ai đây?*

Quả cau, miếng trầu đã trở thành vật làm tin, vật ghi nhận sự giao duyên, thể nguyện. Có cần gì đâu ngọc nam vàng ròng, chỉ miếng trầu thôi họ đã khắc nghĩa nhớ tình. Có người “Yêu nhau cỡi áo cho nhau” thì giờ đây cũng có người “Yêu nhau trao một miếng trầu/ Giấu

thầy, giấu mẹ đưa sau bóng đèn”. Miếng trầu đã trở thành “duyên nợ” gắn kết nghĩa tình trăm năm, trở thành biểu tượng đẹp đẽ của tình nghĩa, tình yêu:

*- Miếng trầu ăn nặng bằng chì
Ăn rồi em biết lấy gì đền ơn.
- Miếng trầu thật tay em têm
Trầu phú, trầu quý, trầu nên vợ chồng
Trầu này khấn nguyện tơ hồng
Trầu này kết nghĩa loan phòng từ đây.*

Biểu tượng trầu cau trong ca dao còn là biểu tượng của hạnh phúc, của cuộc sống vợ chồng hoà hợp, chung tình. Cái điều tưởng như phi lí nhưng lại rất có lí trong nghĩa tình khi người bình dân thổ lộ:

*Một thương, hai nhớ, ba sầu
Cơm ăn chẳng được, ăn trầu cầm hơi!*

Thương, nhớ, sầu đến nỗi không ăn được cơm - và cơm cũng chẳng có giá trị nuôi sống nữa (?!). Cái để cầm hơi bây giờ phải là miếng trầu! Miếng trầu là nghĩa, là niềm tin, là hi vọng, là nỗi nhớ thương về nhau. Người ta không thể chết ngay vì đói cơm mà có thể chết ngay vì kẻ bội tình, bất nghĩa. Nghĩa tình là sức mạnh dai dẳng nhất để con người sống với nhau, vì nhau hơn, dẫu khó khăn xa cách, nhất là trong tình cảm lứa đôi, vợ chồng. Hạnh phúc biết bao khi cuộc sống gia đình hoà thuận, một miếng trầu mời ngọt mát, chung tình:

*Trầu xanh, cau trắng, chay vàng
Cơi trầu bịt bạc, thiếp mời chàng cùng ăn.*

Trầu, cau, chay, thuốc giờ là biểu tượng của sự gắn kết, là nghĩa, là duyên:

*Trầu xanh, cau trắng, chay hồng
Vôi ta với nghĩa, thuốc nồng với duyên.*

Từ “nồng” đặt ở vé cuối thật đặc địa! Cái *nồng* của thuốc trong miếng trầu đến cái *nồng* của duyên trong tình yêu, tình vợ chồng là một uyển ngữ gần gũi.

Trong cuộc sống lảng giềng của xóm làng Việt Nam, có gì đậm thắm, mặn mà hơn khi sau mỗi ngày lao động vất vả, các cụ ông, cụ bà ngồi quây quần bên bát nước chè xanh, miệng bôm bẻm chung nhau cơi trầu rồi hàn huyên tâm sự. Điều đó lại càng được đề cao hơn trong cuộc sống vợ chồng, khi cùng chung những vật dụng ăn trầu:

*Nằm thì chung cái giường Tàu
Dậy thì chung cả hộp trầu, ống vôi.*

Rõ ràng, trong ca dao, biểu tượng văn hoá tinh thần trầu cau đã tồn tại trong tâm thức của mỗi người Việt, biểu hiện những tình cảm cao đẹp nhất: là phẩm vật giao duyên trong mối quan hệ giao tiếp và quan hệ tình cảm của đôi lứa thanh xuân trong buổi sơ giao khi nhịp cầu mới bắc; là chứng nhân của một cuộc kết hợp đẹp đôi hay là một mối tình giản dị, thuần phác nhưng thủy chung, say đắm; là biểu tượng của nghĩa tình vợ chồng bền chặt.

3. Biểu tượng văn hóa trầu cau trong thơ trung đại

Trong thơ trung đại, bài thơ *Mời trầu* của Hồ Xuân Hương là bài thơ tiêu biểu, khắc chạm biểu tượng trầu cau là biểu tượng của phẩm chất dân tộc. Bài thơ *Mời trầu* mang vẻ đẹp tươi tắn, duyên dáng và tình cảm thiết tha, chân thành của người phụ nữ Việt Nam giàu cá tính. Có thể thấy, dù hình thức thể loại của bài thơ là thơ tuyệt cú Đường luật, song bên trong cái vẻ đài các, uyên bác đó là một môi trường văn hoá dân gian đã lan toả từ cội rễ, thấm đẫm trong chất thơ.

Trước hết, trầu cau là biểu tượng về tín hiệu trao duyên, về sự gắn kết tình nghĩa sắt son, chung thủy. Bài thơ mở đầu bằng việc bộc lộ thái độ hồn nhiên, lời nói táo bạo, cá tính thẳng ngay:

*Quả cau nho nhỏ, miếng trầu hôi
Này của Xuân Hương mới quệt rồi.*

Cái cung cách mời trầu của Hồ Xuân Hương thật độc đáo. Trải nghiệm nỗi đau của sự lỡ làng, muộn màng, Hồ Xuân Hương ý thức chuyện nhân duyên là hệ trọng, nhưng người phụ nữ này chẳng thể mềm mỏng, dịu dàng và bẽn lẽn được. Miếng trầu của Hồ Xuân Hương là sự tích hợp của vị mặn, ngọt, cay, nồng. Mời trầu cầu duyên mà nghĩ đến cả chặng đường tình yêu, hôn nhân về sau. Hương vị của miếng trầu hôm nay là bao thăng trầm mà Hồ Xuân Hương đã đi qua. Ta còn nhớ năm xưa khi nhà vua ghé lại quán nước của bà lão bên đường, nhìn thấy miếng trầu tèm cánh phượng mà biết ngay là của vợ mình tèm, vợ mình còn sống và tìm lại được (trong cổ tích *Tám Cám*), thì nay qua cách mời miếng trầu

“mới quệt rồi” của Xuân Hương, ai đó cũng sẽ nhận ra được cái tình thật mà thẳng ngay của Xuân Hương gửi gắm trong đó. Hồ Xuân Hương đã mời trầu bằng niềm khao khát tình nghĩa, hạnh phúc. Cái “cót” văn hoá dân tộc trong biểu hiện văn hoá trầu cau đi liền mạch từ văn học dân gian đến bài thơ này vẫn là tiếng nói tâm giao trong tình yêu đôi lứa, hạnh phúc hôn nhân.

Hơn nữa, màu sắc trong bài thơ *Mời trầu* - lấy từ biểu tượng trầu cau - như sự nhấn gù của hạnh phúc và bất hạnh. Chỉ bằng ngôn ngữ thuần Việt, thơ ca trung đại mới phổ được những sắc màu sống động, cụ thể của vạn vật trong thế giới bao la và hấp dẫn. Hồ Xuân Hương quả thật đã có công lớn trong việc đem chất sống tự nhiên của màu sắc phổ vào thơ Đường. Tất cả màu sắc bà dùng đều tươi rói, mạnh bạo: đỏ loét, xanh rì, trắng phau phau, trong leo lẻo. Ở *Mời trầu* có cái gì trẻ trung, tươi tắn trong sự hòa sắc ba màu: xanh, trắng, đỏ. Hồ Xuân Hương thật tinh tế khi phát hiện ra sự hòa hợp kỳ tài của thiên nhiên mà trong hội họa không thể có được để đưa vào thơ: màu đỏ thắm chỉ có được khi miếng trầu đã được trộn lẫn, nhai kỹ - ẩn dụ của tình yêu hòa quyện, chung tình. Trong văn hóa dân gian, truyện *Sự tích trầu cau* đã thêu dệt tình nghĩa vợ chồng, anh em đậm đà sắt son, keo sơn như miếng trầu bôi vôi ăn với cau non làm đỏ môi, thắm miệng, hồng má. Miếng trầu trao và nhận như tín hiệu tình yêu - tình yêu làm say lòng người và lộ ra trong màu má, màu môi. Phải chăng, miếng trầu trở thành lễ vật chiếm vị trí số một trong nghi lễ văn hóa dân tộc xuất phát từ ước vọng hạnh phúc luôn tươi thắm, luôn tràn trề đó!

Miếng trầu cầu duyên của Hồ Xuân Hương còn là lời nhắn nhe, là sự răn đe, cảnh báo những con người phụ bạc, lạnh nhạt với tình yêu: đừng để lòng hồ hững với lòng như miếng trầu xanh chẳng được nhai chung với vôi nồng vậy! Khi đó, màu xanh là biểu tượng của bao lần nhạt nhẽo và màu vôi là biểu tượng của bao lần bội bạc mà Hồ Xuân Hương đã bao lần chịu đựng. Bà Chúa thơ Nôm đã vận dụng một cách tinh xảo kiểu nói dân gian, tạo ra một cặp ý nghĩa đối lập qua cách nhìn sự vận động màu sắc của sự vật:

*Có phải duyên nhau thì thăm lại
Đường xanh như lá, bạc như vôi.*

Cách nói cũng thật trang nhã, phù hợp với tính cách văn hóa của người Việt, *phải duyên* chứ không phải vì *duyên*, *hiếu duyên* hay *nên duyên*.

Đặt bài thơ *Mời trâu* trong môi trường văn hóa dân tộc, ta mới thấy độ kết tinh chín muồi của văn hóa cộng đồng và cá tính sáng tạo trong tài thơ Hồ Xuân Hương. Hồ Xuân Hương đã xử lý nhuần nhuyễn đề tài và chủ đề, ngôn ngữ và hình tượng trong thi liệu văn học dân gian, ngưng kết nhiều phẩm chất dân tộc. *Mời trâu* gửi gắm cả khát vọng yêu đương lẫn mơ ước thủy chung son sắt trong tình yêu và hôn nhân. Bài thơ có vẻ đẹp trường tồn từ giá trị nhân văn truyền thống!

4. Biểu tượng văn hóa trâu cau trong thơ hiện đại

Bài thơ *Tương tư* của Nguyễn Bính, *Đất nước* của Nguyễn Khoa Điềm, *Hoa chanh* của Nguyễn Bao tiêu biểu cho hành trình văn hóa trâu cau trong thơ hiện đại Việt Nam từ trầm tích của văn hóa dân gian.

4.1. Nguyễn Bính là nhà thơ chân quê của làng quê Việt Nam dung dị. Thơ ông thể hiện tình yêu thôn quê một cách kỳ lạ, do đó có sức lôi cuốn, xao động lòng người. Đồng đảo người đọc đến với thơ Nguyễn Bính là do những vần thơ gần gũi đã đánh thức biết bao kỷ niệm êm đềm về quê hương, xứ sở thân yêu. Người đọc dễ dàng gặp gỡ trong thơ Nguyễn Bính những hình ảnh thân thuộc mà riết róng hoài niệm hay cảm xúc: vườn cam, vườn chanh, bụi chuối. Đặc biệt trong bài thơ *Tương tư* là sự xuất hiện đầy ám ảnh của *thôn Đoài, thôn Đông, bến nước, đầu đình, vườn cam, vườn trâu*. Bài thơ nói về *bệnh tương tư* của *tôi yêu nàng*, mà *bệnh* này thì đã nhiều người nói lắm rồi; *thơ, truyện, tiểu thuyết* thời kỳ này đều có. Vậy mà, cho đến cả bây giờ, mỗi khi đề cập đến điều này, người ta lại nhắc đến Nguyễn Bính như là sự viên mãn nhất! Cái hay của bài thơ không phải ở việc nói về chuyện tương tư mà là ở việc Nguyễn Bính đã tâm tâm hồn chúng ta trong hồn của quê hương dân dã. Bản sắc văn hóa, văn học Việt Nam từ xưa vốn chuộng cái đẹp.

Con người Việt Nam ý thức về độ (“không vượt ngưỡng”) rất rõ, rất hiếm thấy sự thể hiện xô bồ về cảm xúc, mà thường trang nhã, chừng mực, khác hẳn cái nặng nề, thô kệch, nhầy nhụa. Chính biểu tượng trong thơ Nguyễn Bính đã thể hiện cái tình yêu nam nữ dầm thấm, tha thiết nhưng có độ dưng độc đáo đó. Thật nhẹ nhàng khi trâu cau được đưa vào trong bài thơ một cách thanh thoát:

Nhà em có một vườn trâu

Nhà anh có một hàng cau liên phòng.

Nhà em ở thôn Đông có giàn trâu. Nhà anh ở thôn Đoài có hàng cau. Chỉ có vậy thôi ư? Cả đời sống văn hóa trâu cau trong folklore Việt Nam sống dậy, hiển hiện:

Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?

Chính nó đã góp phần giúp Nguyễn Bính rung lên “hồn xưa của đất nước” trong thơ ông!

4.2. Ở bài thơ chương *Đất nước* trong *Mặt đường khát vọng* của Nguyễn Khoa Điềm, biểu tượng trâu cau được nhắc đến qua phát biểu định nghĩa về đất nước. *Mặt đường khát vọng* là sự cảm nhận của Nguyễn Khoa Điềm về đất nước của nhân dân, đất nước của ca dao thần thoại. Nhà thơ thể hiện tư tưởng đó trong chiều dài thời gian: “Thời gian đằng đẵng”, trong chiều rộng không gian: “Không gian mênh mông”, và trong chiều dài của truyền thống văn hóa, tâm hồn tình cảm dân tộc. *Đất nước* của Nguyễn Khoa Điềm như được bao bọc bởi không gian của văn học dân gian, từ ca dao, tục ngữ, đến truyền thuyết cổ tích; từ phong tục tập quán đến thói quen sinh hoạt trong đời sống hằng ngày của nhân dân. Nguyễn Khoa Điềm đưa ra khái niệm đất nước không chung chung trừu tượng mà cụ thể. Nó phát xuất từ những gì rất gần gũi, thân thiết mà sâu xa, kỳ diệu, ở đó lắng đọng và gọi được cả hồn thiêng của non sông đất nước. Đất nước hiện hình bên cạnh lời kể của bà, của mẹ, qua cái kèo cái cột, hạt gạo miếng cơm ta ăn hằng ngày... và có cả “miếng trâu bây giờ bà ăn”. Ý thơ của Nguyễn Khoa Điềm đã gọi cả lớp văn hóa dân gian trâu cau xưa về trong thế giới nghệ thuật của mình như một sự khẳng định: “Đất nước bắt đầu với miếng trâu bây giờ bà ăn”. Chiều sâu của lịch sử, truyền thống phong tục và văn hóa tạo nên sự vững chắc của đất nước bốn nghìn năm văn hiến. Nhờ vậy, đất nước mãi mãi trường tồn.

4.3. *Hoa chanh* của Nguyễn Bao được kết cấu như một câu truyện cổ tích. Truyện đi theo hồi ức, từ hôm nay mà nhớ về thuở trước ân tình. Trần ngập bài thơ là tâm trạng của người con “Thôn quê cuống rạ” vốn gắn bó thiết thân với bao kỷ niệm quê hương. Trong hành trình cuộc sống đó, mỗi giai đoạn mỗi khác với biết bao biến động thăng trầm, nhưng hình ảnh giàn trầu vẫn luôn luôn ẩn hiện, canh cánh trong cảm xúc, suy tư.

Từ hồi “Hai chúng mình - biết nhau từ thuở nhỏ”, anh đã nhớ như in:

*Nhà em có một giàn trầu
Lá xanh tốt trùm bể nước.*

Giàn trầu là biểu tượng của quê hương, là thứ vật chất vô giá khơi nguồn và in dấu nỗi nhớ trong tiềm thức. Rồi đôi bạn lớn lên, cái mền ban đầu đã trở thành cái thương, cái nhớ, cái ghi lòng tạc dạ. Cái biểu hiện cho cung bậc tình cảm đã chuyển sang một nốt nhạc khác:

*Đường cày tình sương
Môi ẩm miếng trầu
(Têm vôi qua đêm
Em trao chẳng nói!).*

“Chẳng nói” bởi cả hai đã hiểu tất cả. Thế là vừa, là đủ. Chỉ cần một lời thôi cũng sẽ là thừa! Anh hiểu lắm rồi cái cốt cách của con người Việt Nam ta, của tâm tình ông cha gửi gắm trong ca dao xưa!

Đất nước có chiến tranh, anh phải lên đường ra trận. Giữa mùa chiến dịch, nỗi nhớ của anh là niềm đau khổ bởi xa cách:

*Tám năm sau xa gốc chanh
Giàn trầu, cầu ao vắng bóng.*

Giàn trầu hôm nay không chỉ là giàn trầu “Lá xanh tốt trùm bể nước”, nó còn là vật minh chứng, là kỷ vật ghi nhận, gìn giữ tình yêu. Cả thế hệ anh đang tiếp bước ông cha, sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc, quyết tâm:

*Giữ lấy cầu ao
Giữ lấy gốc chanh
Giữ lấy giàn trầu
Giữ xanh mái tóc!*

Và chúng ta đã giữ được. Ngày toàn thắng anh về (dẫu có mắt mờ):

*Hôm nay trở về một chân anh mắt
Nhưng quê hương tất cả hãy còn.*

Bài thơ kết thúc bằng “đám cưới mùa xuân”, có “Trầu hái giàn nhà, thắm môi hai họ”.

Giàn trầu kỷ niệm của tuổi thơ - miếng trầu em trao nói hộ lòng yêu bền chặt. Giàn trầu vắng bóng người thương đượm buồn khi xa cách, giàn trầu hóa linh hồn quê hương, núi sông mà bao thế hệ đã hy sinh gìn giữ - và hôm nay - “hai họ thắm môi” miếng trầu lễ cưới - tất cả như vượt qua không gian, vĩnh hằng theo thời gian cùng đất nước thiêng liêng trường tồn. Nguyễn Bao đã thay mặt “hậu thế” mời về trong đám cưới hôm nay cội nguồn văn hóa dân gian, chất dân tộc của Hồ Xuân Hương, chất trữ tình đậm thắm của Nguyễn Bình, Nguyễn Khoa Điềm. Hồn quê - hồn người hòa quyện trong miếng trầu “thắm” nghĩa!

5. Kết luận

Biểu tượng là một yếu tố quan trọng trong thi pháp văn học nói chung. Khả năng ẩn dụ, biểu cảm của biểu tượng trong ca dao, qua dòng chảy trong thơ, và thế giới biểu tượng tồn tại trong tâm thức mỗi con người Việt Nam đã hòa âm cùng nhau, tạo nên những rung động thẩm mỹ sâu sắc, những cảm nhận đặc biệt về dân tộc. Nguồn gốc của thế giới biểu tượng rất phức tạp, bởi ở đó có sự đan xen của nhiều quan niệm, nhiều ảnh hưởng khác nhau. Biểu tượng trầu cau vừa xuất phát từ phong tục, tập quán của dân tộc, vừa là kết quả của sự quan sát thiên nhiên tinh tế. Trầu cau là hồn xưa - hồn quê - hồn nước - hồn dân tộc từ đặc trưng văn hóa người Việt, xuyên suốt văn học dân gian đến văn học trung đại, hiện đại. Ngày nay, tục ăn trầu có ít đi nhưng hình ảnh hoa cau, vườn trầu vẫn mãi mãi đi cùng hành trang của nền văn hóa dân tộc Việt Nam!

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Ngọc Phan (2005), *Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam*, Nxb. Văn học, tái bản, Hà Nội.
2. Lê Chí Quế (chủ biên) (2004), *Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Trần Quốc Vượng (2003), *Văn hóa Việt Nam - tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

TS. HOÀNG SĨ NGUYỄN

Trường Đại học Nội vụ Hà Nội - Phân hiệu Quảng Nam